TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 12

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 28,488 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 30 **B.** 28,5 **C.** 28 **D.** 29

Câu 2. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 46,85 …… 46,850

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. 1,4 : 0,1 = ……

A. 0,14 **B.** 140 **C.** 1400 **D.** 14

Câu 4. Kết quả của phép tính 1/2 × 3/7 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 3/9 **B.** 3/14 **C.** 3/7 **D.** 7/6

Câu 5. 96 000 m² = …… ha

A. 9,6 **B.** 96 **C.** 0,96 **D.** 960

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 30 cm, chiều cao 19 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 285 cm² **B.** 98 cm² **C.** 49 cm² **D.** 570 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 13,4; 13,1; 13,013; 13,49; 13,68.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Tìm x:

a) x + 5,62 = 8,32; x = ……

b) x × 1,2 = 1,68; x = ……

c) 35,9 − x = 27,76; x = ……

Bài 3. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 1/4 × 1/2 = ……

b) 1/3 : 5/9 = ……

c) 5/9 − 1/2 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 m 4 cm = ……. m

b) 3 kg 86 g = ……. kg

c) 4 km^2 = ……. ha

d) 5300 m^2 = ……. ha

Bài 5. Bánh xe của một chiếc xe đạp có bán kính 0,25 m. Hỏi bánh xe lăn trên mặt đất 1000 vòng thì xe đạp đi được bao nhiêu mét?

a) Chu vi bánh xe: ……. m

b) Lăn 1000 vòng đi được: ……. m

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 57,3 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 3,7 kg, ngày thứ ba bán được 16,57 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Cả ba ngày bán được: ……. kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 12

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	D	B	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 13,013 < 13,1 < 13,4 < 13,49 < 13,68

a) 13,013

b) 13,68

c) 13,4

d) 13,68 + 13,013 = 26,693

Bài 2.

a) x = 8,32 − 5,62 = 2,7

b) x = 1,68 : 1,2 = 1,4

c) x = 35,9 − 27,76 = 8,14

Bài 3.

a) 1/4 × 1/2 = 1/8

b) 1/3 : 5/9 = 3/5

c) 5/9 − 1/2 = 1/18

Bài 4.

a) 8,04

b) 3,086

c) 400

d) 0,53

Bài 5.

Chu vi bánh xe: 0,25 × 2 × 3,14 = 1,57 (m)

Quãng đường: 1,57 × 1000 = 1570 (m)

Bài 6.

Ngày thứ hai: 57,3 − 3,7 = 53,6 (kg)

Cả ba ngày: 57,3 + 53,6 + 16,57 = 127,47 (kg)

Trung bình: 127,47 : 3 = 42,49 (kg)